

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Số: 221/2020/QĐST – HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bù Đăng, ngày 25 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 361/2020/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2020, về việc “ Ly hôn ” giữa:

M đơn: chị Mông Thị N; sinh năm 1981

Bị đơn: anh Đinh Công B; sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh P.

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật hôn nhân & Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Bản bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 16 tháng 9 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Bản bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 16 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Bản bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: anh Đinh Công B và chị Mông Thị N.

2.Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a.Về con chung: Các đương sự xác định có 02 con chung là các cháu Đinh Công L, sinh năm 2004; cháu Đinh Công M, sinh năm 2017; sau ly hôn chị Mông Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 cháu Đinh Công L, sinh năm 2004; cháu Đinh Công M, sinh năm 2017 đến khi các cháu thành niên, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; anh B có quyền thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản; các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo qui định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

b. Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

c. Về nợ chung: không có.

d. Về án phí: chị Mông Thị N nhận nộp 150.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp trước là 300.000đ, theo Bên lai thu tiền số 015582 ngày 17/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng; Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, hoàn trả lại cho chị N số tiền 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

LƯU THỦY LINH